

UBND QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG THCS ĐÔNG HẢI

Số 490 / BB -THCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Hải 1, ngày 07 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN

NIÊM YẾT CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỘI NGŨ NĂM HỌC 2023 -2024

1. Thời gian: 14 giờ 00 phút ngày 07 tháng 9 năm 2023
2. Địa điểm: Tại trường THCS Đông Hải – Hải An – Hải Phòng
3. Địa chỉ: Số 363 Phú Xá – Đường Phủ Thượng Đoạn – Phường Đông Hải 1 – Hải An
4. Thành phần:

Ông Phạm Hồng Khánh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Bà Trần Thị Thắng

Bà Lương Thị Dung

Bà Đồng Hải Yến

Bà Đỗ Thị Thu Hương

Bà Trần Thị Thu

Bà Đặng Thị Diệu

- Hiệu trưởng nhà trường

- P.hiệu trưởng - Chủ tịch công đoàn

- Phó hiệu trưởng

- Trưởng ban thanh tra nhân dân

- Đại diện đoàn thanh niên - TPT

- Giáo viên

- Kế toán

- Văn thư – Thư ký

Trường THCS Đông Hải đã tiến hành niêm yết công khai Cam kết chất lượng học sinh, công khai cơ sở vật chất, đội ngũ nhà trường năm học 2023 – 2024 tại phòng Hội trường, họp Hội đồng nhà trường và cổng thông tin điện tử Sở Giáo dục, nhà trường.

Thời gian niêm yết từ ngày 07 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 07 tháng 10 năm 2023.

Biên bản được lập thành 2 bản.

Đông Hải 1, ngày 07 tháng 9 năm 2023



TM. BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hồng Khánh

Thư ký

Đặng Thị Diệu

Đặng Thị Diệu

CÁC THÀNH VIÊN LIÊN QUAN

Nguyễn Thị Ngọc Huyền
Đỗ Thị Thu Hương
Trần Thị Thu

Trần Thị Thắng
Đồng Hải Yến

Lương Thị Dung

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN HẢI AN- HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG HẢI

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường, năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp7	Lớp 8	Lớp9
I	Điều kiện tuyển sinh	Thu nhận toàn bộ học sinh có cư trú tại địa bàn Phường Đông Hải 1, đã tốt nghiệp Tiểu học, đủ tuổi theo qui định của Bộ GD&ĐT.	Ưu tiên nhận học sinh cư trú tại Phường Đông Hải 1, Phường Đông Hải 2 có nhu cầu chuyển trường từ nơi khác về.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình nhà trường theo chương trình giáo dục mới 2018 với lớp 6, 7,8.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, năng lực tự học của học sinh là chính. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; tham quan dã ngoại,.....			
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Lên lớp đạt trên 99%. - Không có học sinh xếp loại yếu về hạnh kiểm. - Tốt nghiệp THCS: 100%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh khối 9 được vào lớp 10 các trường công lập đạt trên 90%. Tuyên truyền vận động số học sinh còn lại theo học tại các trường nghề và trường ngoài công lập.			

Đông Hải 1, ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Hồng Khánh

UBND QUẬN HẢI AN- HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG HẢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2023 - 2024.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Đánh giá viên chức				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	KHT
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	95		14	74	2		5	6	55	5	53	14	1	
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	83		11	71	1			6	54	2	48	14	0	
1	Toán	19		5	14					11	1	10	2		
2	Lý	4			4					3		1	2		
3	Hóa	4		1	3					3		2	1		
4	Sinh	1			1					1		1			
5	Văn	18		5	13				1	11		10	2		
6	Sử	3			3				2	0	1	2	1		
7	Địa	2			2					1		1			
8	GDCD	1			1				1	0			1		
9	Mỹ thuật	2			2					2		2			
10	Âm nhạc	2			2				1	1		2			
11	Thể Dục	2			1	1			1	1		1	1		
12	Công Nghệ	1			1					1		1			
13	Ngoại ngữ	11			11					6		4	2		
14	Tin Học	4			4					4		2	2		
15	Sinh hoạt	9			9					9		9			
II	Cán bộ quản lý	3		3							3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2	2			
III	Tổng phụ trách	1			1					1		1			
IV	Nhân viên	8			2	1		5				1		1	
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1									1	
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên CNTT	0													
9	LC-BV	5						5							

Đông Hải, ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Phạm Hồng Khánh

UBND QUẬN HẢI AN- HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG HẢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất nhà trường năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	1,2
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	02	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0.5	
8	Bình quân học sinh/lớp	49	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9223	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	54 - 63	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	0	
3	Diện tích thư viện (m ²)	0	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp. 8 - 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		80		Số học sinh/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác				Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi		36			
2	Cát xét		0			
3	Đầu Video/đầu đĩa		2			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		01			
5	Thiết bị khác...					
6	Lap top		2			
	Nội dung		Số lượng (m ²)			
X	Nhà bếp		Không			
XI	Nhà ăn		Không			
	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		Không			
XIII	Khu nội trú		Không			
XIV	Nhà vệ sinh		Dùng cho giáo viên		Số m ² /học sinh	
			Dùng cho học sinh			
			Chung		Chung	
			Nam/Nữ		Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		Đạt			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		Đạt			
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		Có			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		Có			
XVII	Kết nối internet		Có			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		Có			
XIX	Tường rào xây		Có			

Đông Hải, ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Phạm Hồng Khánh

UBND QUẬN HẢI AN- HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG HẢI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2022 -2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2236	648	515	560	513
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2213 99%	642 99.07%	510 99.03%	548 98.2%	513 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23 1%	6 0.93%	5 0.97%	12 2.15%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	2232 (4HSKT)	648	515	558	511
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1429 64%	423 65.28%	303 58.83%	359 64.3%	344 67.3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	654 29,3%	186 28.7%	179 34.76%	148 26.5%	141 27.6%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	144 6.5%	37 5.71%	33 6.41%	48 8.6%	26 5.09%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.2%	2 0.31%		3 0.54%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2236	648	515	560	513
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2236 100%	648 100%	515 100%	560 100%	513 100%
a	Học sinh giỏi (HS xuất sắc với lớp 6) (tỷ lệ so với tổng số)	1252 63,19%	95 14.7%	82 15.9%	359 64.3%	344 67.3%
b	Học sinh tiên tiến (HS giỏi với lớp 6) (tỷ lệ so với tổng số)	586 29,51%	327 50.5%	221 42.9%	148 26.5%	141 27.6%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.2%	2 0.3%		3 0.5%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	34/32	4/6	6/8	19/10	5/8
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	72	4	5	13	50
2	Cấp tỉnh/thành phố	42	4	9	8	21
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	9	4	3	0	2
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	511	0	0	0	511
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	511	0	0	0	511

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	344	0	0	0	344 67.3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	141	0	0	0	141 27.6%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	26	0	0	0	26 5,1%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1166/1070	334/314	278/237	288/272	266/247
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	7	1		2	4

Đông Hải 1, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hồng Khánh